TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68** /2019/HC-PT
Ngày 29 – 5 - 2019
"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn T Long**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thành An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 57/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2019/QĐ-PT ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn L** (Nguyễn Minh L); địa chỉ: Số nhà 68, thôn T1, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Ông **Võ Văn H** (Võ Minh H); địa chỉ: Số nhà 79, đường L1, thị trấn Q1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Võ Đình D; địa chỉ: Số 207 đường N, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đăk Lăk**;** có mặt.

Người bị kiện: - **Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Võ Văn C2 – Phó chủ tịch tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt và xin xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Đình N1 – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trại giam Đ; địa chỉ: Thôn 7, xã E1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Đức M – Phó Giám thị trại giam; vắng mặt.

- Ông Võ Văn C; địa chỉ: Thôn M2, xã I, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Ông Lê Minh C1; địa chỉ: thôn T1, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Ông Nguyễn T; địa chỉ: Số nhà 63, thôn T1, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Vĩnh G; địa chỉ: Số nhà 79, đường L1, thị trấn Q1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Ngô Thị Thúy P; địa chỉ: Số nhà 68, thôn T1, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, ông Võ Văn H trình bày:

Vào năm 1988-1989, theo chủ trương Nhà nước khuyến khích nhân dân được khai hoang để lấy đất sản xuất, ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H đã tiến hành khai hoang lấy đất trồng cà phê với diện tích 4,5ha tại lô III - Buôn E thuộc địa phận xã E1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 06/11/1990 ông L và ông H có ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT với Trại giam Đ để trồng cà phê. Đến năm 1999, Trại giam Đ yêu cầu các hộ dân đã ký hợp đồng liên kết với trại, kê khai lại diện tích đất để làm lại hợp đồng. Năm 1999 ông Nguyễn Văn L làm đơn xin xác nhận và xin chia phần diện tích đất mà ông L trực tiếp canh tác khoảng 2,9ha, chia cho bố đẻ là ông Nguyễn T l,4ha, chia cho em rể là ông Lê Minh C1 0,54ha, còn phần còn lại là 0,9 ha ông L trực tiếp canh tác. Đối với phần diện tích đất của ông T và ông C1 cũng đã ký Hợp đồng kinh tế với Trại giam Đ. Năm 1999 ông H cũng làm đơn xin xác nhận xin chia phần diện tích đất mà ông H trực tiếp canh tác khoảng 2,5ha; ông H trực tiếp ký hợp đồng kinh tế số 32/HĐ với Trại giam Đ để trực tiếp canh tác diện tích l,5ha; còn lại chia cho ông Võ Văn C (là em trai) diện tích l ha. Ông C ký hợp đồng kinh tế số 53/HĐ với Trại giam Đ trực tiếp canh tác diện tích l ha. Sau khi ký hợp đồng thì các

bên trực tiếp canh tác diện tích đất trên, đến năm 2012 ông Lê Minh C1 không canh tác nữa và giao diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp canh tác. Đối với phần đất của ông Nguyễn T vì lý do sức khỏe nên năm 2010 đã giao lại diện tích trên cho ông L trực tiếp canh tác. Đối với phần đất của ông Võ Văn C do đi làm ăn xa nên năm 2000 ông đã giao lại diện tích đất trên cho ông L trực tiếp canh tác.

Tuy nhiên, Trại giam Đ cho rằng nhà nước đã giao cho trại 1.021 ha đất thuộc địa bàn xã E1, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/04/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747, trong đó có diện tích đất trồng cà phê của ông L và ông H.

Ngày 16/3/2017, ông L và ông H làm đơn khiếu nại lần đầu gửi UBND tỉnh Đắk Lắk yêu cầu UBND tỉnh xem xét và hủy một phần Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747, có liên quan đến diện tích đất đã trồng cà phê của hai ông.

Ngày 26/2/2018, ông L và ông H nhận được Quyết định số 14/QĐ- UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn H và ông Nguyễn Văn L thường trú tại huyện C1, tỉnh Đắk Lắk với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L, ông H.

Ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H hoàn toàn không đồng ý với nội dung Quyết định này bởi lý do:

Thứ nhất: Theo Quyết định số 403/QĐ-UB ngày 15/8/1977 thì không có cụ thể diện tích đất được cấp cho Trại cải tạo M1 trước đây (nay là Trại giam Đ) là bao nhiêu, phần đất được cấp chỉ là khu đất tranh và tứ cận như trong quyết định thì phần đất cấp cho Trại cải tạo M1 trước đây (nay là Trại giam Đ) không nằm trong phần đất mà ông L ông H đang sử dụng.

Thứ hai: Phần diện tích đất mà ông L, ông H đang sử dụng là được Trại giam Đ cho các hộ dân nhận hợp đồng liên kết trồng cà phê là không đúng. Vì vào năm 1988-1989, theo chủ trương nhà nước khuyến khích nhân dân được khai hoang để lấy đất sản xuất, gia đình ông L, ông H đã tiến hành khai hoang và trồng cà phê thì Trại giam Đ đến bắt buộc ông L, ông H phải ký hợp đồng liên kết trồng cà phê (Trại giam Đ không có bất kỳ đầu tư gì cho chúng tôi), do không hiểu biết gì về pháp luật nên chúng tôi nghĩ rằng việc ký hợp đồng liên kết là để nộp thuế cho Nhà nước. Hợp đồng liên kết này là vô hiệu, vì đối tượng hợp đồng là đất đai, nhưng tại thời điểm ký kết hợp đồng Trại giam Đ chưa có quyền sử dụng đối với diện tích đất mà ông L ông H khai hoang.

Vì vậy, ông L và ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: Hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 có liên quan đến diện tích 4,5ha đất đã trồng cà phê của gia đình ông L, ông H.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ông Võ Văn Cảnh trình bày:

Nội dung ông Võ Văn H, ông Nguyễn Văn L khiếu nại UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trại giam Đ tại Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001, trong đó có phần diện tích đất của các hộ dân khai hoang trồng cà phê đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2018, theo đó khẳng định là không có căn cứ và cơ sở để xem xét giải quyết. Bởi lẽ, căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy: Phần diện tích đất hiện nay các hộ dân khiếu nại nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh giao cho Trại cải tạo M1 trước đây (nay là Trại giam Đ) cho các hộ nhận hợp đồng liên kết trồng cà phê vào năm 1990 và hiện nay nằm trong diện tích 1.021 ha đất đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 1050/QĐ- UB ngày 12/4/2001 là đúng với nguồn gốc, thực tế quản lý sử dụng đất và đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc ông L và ông H khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 đối với phần diện tích đất của ông L, ông H 4,5ha là không có căn cứ.

- Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trại giam Đ ông Vũ Đức M trình bày:

Vào năm 1977, UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Trại cải tạo M1 (nay là Trại giam Đ) một khu đất tọa lạc tại M1, huyện E2 theo Quyết định số 403/QĐ ngày 15/8/1977. Đến năm 2001, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu đất của Trại giam Đ vào đất an ninh do Bộ Công an quản lý tại Quyết định số 566/QĐ-TTg ngày 22/06/2000. Đơn vị đã lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 1050/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trại giam Đ với tổng diện tích đất tự nhiên là 1.021ha (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747).

Năm 1990, Trại giam Đ còn trực thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk. Vào thời điểm đó do Trại quản lý số đối tượng ít nên không canh tác, quản lý và sử dụng hết diện tích đất được giao nên gặp khó khăn trong công tác quản lý đất đai. Vì vậy, đơn vị đã báo cáo Lãnh đạo công an tỉnh Đắk Lắk xin chủ trương cho một số hộ dân sinh sống tại huyện C1, hợp đồng liên kết đất để trồng cây cà phê,

trong đó có ông Võ Văn H (Võ Minh H) và ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Minh L) ký hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT, ngày 06/11/1990 về việc trồng cà phê liên kết hộ cá nhân giao cho ồng H, ông L diện tích 4,5ha. Tại Điều 1 của hợp đồng kinh tế có ghi rõ *"Bên A trại cải tạo Đ giao đất canh tác trong tổng quỹ đất của trại là 4,5ha cho ông Võ Minh H tại lô I1I-E Sang để trồng cà phê liên kết"*. Điều 2 của hợp đồng ghi rõ *"Bên B ông H - L phải chịu mọi khoản chỉ phí khai hoang phục hóa quy hoạch và các khâu phục vụ cho việc trồng mới và chăm sóc diện tích đất nói trên"*

Đến năm 1999, để xác định cụ thể hơn toàn bộ diện tích, vị trí các khu, lô đất đã cho các hộ dân liên kết trồng cà phê trong các năm trước đây. Trại giam Đ yêu cầu các hộ dân đã ký hợp đồng liên kết với trại, viết đơn kê khai lại diện tích đất để làm lại hợp đồng. Hợp đồng liên kết ký năm 1999 thay thế các hợp đồng liên kết ký năm 1990. Năm 1999, ông Nguyễn Văn L làm đơn xin xác nhận xin chia phần diện tích đất mà ông L trực tiếp canh tác khoảng 2,9ha, chia cho bố đẻ là ông Nguyễn T l,4ha, chia cho em rể là ông Lê Minh C1 0,54ha, còn phần còn lại là 0,9 ha ông L trực tiếp canh tác. Đối với phần diện tích đất của ông T và ông C1 cũng đã ký Hợp đồng kinh tế với Trại giam Đ. Năm 1999 ông H cũng làm đơn xin xác nhận xin chia phần diện tích đất mà ông H trực tiếp canh tác khoảng 2,5ha, ông H trực tiếp ký hợp đồng kinh tế số 32/HĐ với Trại giam Đ để trực tiếp canh tác diện tích l,5ha; còn lại chia cho ông Võ Văn C diện tích 1ha. Ông C ký hợp đồng kinh tế số 53/HĐ với Trại giam Đ trực tiếp canh tác diện tích 1ha. Còn việc ông T, ông C1, ông C giao diện tích đất trên cho ai canh tác thì Trại giam không biết.

Hết thời hạn 20 năm, đơn vị đã làm Thông báo gửi cho ông L và ông H về việc thu hồi đất liên kết trồng cà phê. Tuy nhiên, ông L và ông H không thực hiện mà làm đơn kiến nghị gửi đến các cơ quan chức năng cho rằng diện tích đất trồng cà phê hiện nay có nguồn gốc là do gia đình tự khai hoang năm 1988 -1989.

Việc ông L và ông H cho rằng diện tích đất đang trồng cà phê thuộc đất của Trại có nguồn gốc là do gia đình tự khai hoang là không có cơ sở, bởi lẽ:

Thứ nhất: Khu đất của 2 ông đang trồng cà phê hoàn toàn nằm trong phạm vi, ranh giới quỹ đất an ninh quốc phòng của Trại giam Đ, có bản đồ kèm theo từ năm 1977.

Thứ hai: Hai ông đều đã làm đơn xin Trại giam Đ hợp đồng liên kết trồng cà phê tại diện tích đất hiện nay (bản hợp đồng gốc của 2 ông hiện nay vẫn đang được lưu tại đơn vị).

Thứ ba: UBND tỉnh Đắk Lắk đã giao Sở tài nguyên và môi trường tỉnh xuống kiểm tra tại thực địa, xác định vị trí, tọa lạc khu đất của ông L và ông H.

Trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất UBND tỉnh Đắk Lắk trả lời đơn kiến nghị với nội dung không chấp nhận nội dung đon khiếu nại của ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, ông Võ Văn H về việc hủy một phần Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 đối với phần diện tích đất của ông L, ông H 4,5ha là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C trình bày:

Năm 1999, anh trai tôi là Võ Văn H có chia cho tôi lha đất trồng cà phê tại lô III buôn E. Đến năm 2000, do tôi đi làm ăn và sinh sống ở xa nên không thể tiếp tục canh tác được nữa, tôi đã giao lại diện tích đất trên cho anh Nguyễn Văn L, cư trú tại xã Q, huyện C1 làm.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 có liên quan đến điện tích đất của ông L thì quan điểm của tôi là: Diện tích đất trên tôi đã giao lại cho ông Nguyễn Văn L làm, nay tôi không còn liên quan gì nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh C1 trình bày:

Năm 1999, anh vợ tôi là Nguyễn Văn L có cho tôi 0,54ha đất trồng cà phê tại khu vực lô III buôn E, thuộc địa phận xã E1 để trồng và chăm sóc cà phê. Cũng thời gian trên, tôi có ký Hợp đồng kinh tế số 50 với Trại giam Đ với diện tích 0,54ha. Đến năm 2012, tôi không canh tác nữa và trả lại toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Văn L.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so R278747 có liên quan đến diện tích đất của ông L thì quan điểm của tôi là: Diện tích đất trên tôi đã giao lại cho ông Nguyễn Văn L làm, nay tôi không còn liên quan gì đến thửa đất trên nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T trình bày:

Khoảng năm 1988 - 1989 con trai tôi là Nguyễn Văn L cùng ông Võ Văn H có khai hoang diện tích đất khoảng 4,5ha, đến ngày 06/11/1990 ông L và ông H có ký Hợp đồng kinh tế số 03 với Trại giam Đ để trồng cà phê. Đến năm 1999 Trại giam Đ yêu cầu các hộ dân đã ký hợp đồng liên kết với trại, kê khai lại diện tích đất để làm lại hợp đồng. Ông Nguyễn Văn L đã làm đơn xác nhận xin chia phần diện tích đất mà ông L trực tiếp canh tác khoảng 2,9ha, chia cho tôi là l,4ha, chia cho con rể tôi là Lê Minh C1 0,54ha, còn phần của ông L là 0,9ha để canh tác. Cũng trong năm 1999 tôi trực tiếp ký kết hợp đồng số 34 với Trại giam

Đ với diện tích l,4ha. Sau khi ký hợp đồng tôi trực tiếp canh tác diện tích đất này. Đến năm 2010 do điều kiện sức khỏe tôi không làm nữa và giao lại diện tích đất trên cho con trai tôi là Nguyễn Văn L làm.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 có liên quan đến diện tích đất của ông L thì quan điểm của tôi là: Diện tích đất trên tôi đã giao lại cho ông Nguyễn Văn L làm tôi không còn liên quan gì nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Vĩnh G trình bày: Tôi là vợ của ông Võ Văn H, tôi hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thúy P trình bày: Tôi là vợ của ông Nguyễn Văn L, tôi hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng tôi và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 45/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 36; Điều 65 Luật Đất đai năm 1993; Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội:

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H về việc yêu cầu: Hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 cấp cho Trại giam Đ, có liên quan đến diện tích 4,5ha đất đã trồng cà phê của gia đình ông L, ông H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/11/2018 ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2018/HCST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, ông H Luật sư Võ Đình D trình bày:

Thửa đất có diện tích 4,5 ha tại lô III Buôn E, xã E1 huyện C1, tỉnh Đắk Lắk là do ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H khai hoang vào năm 1988, 1989,

diện tích này không nằm trong diện tích theo Quyết định số 403/QĐ-UB ngày 15/8/1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho trại cải tạo M1 (nay là trại tạm giam Đ). Bởi lẽ sơ đồ mà bị đơn cung cấp không phải là sơ đồ diện tích đất kèm theo Quyết định số 403/QĐ-UB và thời gian cũng không đúng. Do vậy, 4,5 ha đất nói trên cũng không nằm trong diện tích 1.021, ha đất mà UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 theo Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/04/2001 cho trại giam Đ. Nguồn gốc đất là do ông L, ông H khai hoang rừng trồng cà phê từ năm 1988-1989, đến năm 1990, trại tạm giam Đ bắt buộc ông L, ông H làm đơn xin khai hoang và ép buộc ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với Trại giam Đ. Ông Võ Đình D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo ông L, ông H sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L ông H, hủy một phần Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/04/2001 và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ông L, ông H trình bày: trên diện tích 4,5 ha hiện đang có tài sản và cà phê trồng nhiều thời điểm khác nhau, chưa thanh lý hợp đồng, Trại giam Đăk Trung thông báo thu hồi đất là không đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của Trại giam Đ ông Vũ Đức M trình bày: Diện tích đất 4,5ha ông L và ông H đang canh tác trồng cà phê là diện tích đất nằm trong phạm vi được UBND tỉnh Đắk Lắk giao đất theo Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 15/8/1977 cho Trại cải tạo M1 trước đây, nay diện tích đất đó nằm trong phạm vi 1.021ha đất UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Trại giam Đ theo Quyết định 1050/QĐ-UBND ngày 12/4/2001, nay theo chỉ đạo của Bộ công an về việc quản lý đất an ninh, quốc phòng nên Trại đã thông báo thu hồi đất để quản lý theo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông L, ông H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc thửa đất có diện tích 4,5 ha tại lô III Buôn E, xã E1

huyện C1, tỉnh Đắk Lắk, ông L và ông H cho rằng là đất khai hoang và trồng cà phê từ năm 1988-1989. Tuy nhiên, xem xét hồ sơ, giấy tờ, thủ tục về đất đai thì thấy rằng diện tích 4,5 ha đất này trước đó UBND tỉnh Đắk Lắk đã giao đất cho trại cải tạo M1 (nay là trại tạm giam Đ) thuộc xã E1 huyện C1, tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định số 403/QĐ-UB ngày 15/8/1977, nhằm mục đích để xây dựng Trại và phạm nhân canh tác sản xuất. Do phạm nhân ít, Trại chưa có nhu cầu sử dụng nên Trại giam đã hợp đồng liên kết với một số người dân để canh tác trồng cà phê. Ông L và ông H cũng đã có đơn gửi Trại xin khai hoang và ký Hợp đồng liên kết số 03/HĐKT ngày 06/11/1990 với Trại giam Đ, sử dụng diện tích 4,5 ha nói trên để trồng cà phê. Đến năm 1999 ông Nguyễn Văn L làm đơn xin xác nhận về việc chia phần diện tích đất mà ông L trực tiếp canh tác khoảng 2,9ha, cho bố đẻ là ông Nguyễn T l,4ha, chia cho em rể là ông Lê Minh C1 0,54ha, còn phần còn lại là 0,9 ha ông L trực tiếp canh tác. Đối với phần diện tích đất của ông T và ông C1 cũng đã ký Hợp đồng kinh tế với Trại giam Đ. Năm 1999 ông H cũng làm đơn xin xác nhận xin chia phần diện tích đất mà ông H trực tiếp canh tác khoảng 2,5ha, ông H trực tiếp ký hợp đồng kinh tế số 32/HĐ với Trại giam Đ để trực tiếp canh tác diện tích l,5ha; còn lại chia cho ông Võ Văn C diện tích 0l,ha. Ông C ký hợp đồng kinh tế số 53/HĐ với Trại giam Đ trực tiếp canh tác diện tích lha. Quá trình canh tác, sử dụng đất ông L, ông H cũng như các hộ dân khác có ký hợp đồng đều thực hiện việc giao nộp sản phẩm cho Trại giam Đ theo như thỏa thuận trong Hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Đơn xin canh tác đất, đơn xin tách diện tích đất trồng cà phê, các Hợp đồng liên kết trồng cà phê do ông L và ông H ký trực tiếp với Trại giam Đăk Trung, thì chứng tỏ Trại giam Đ đã thực hiện quyền quản lý của mình trên diện tích được giao, ông L ông H cho rằng: Diện tích đất 4,5ha đang tranh chấp không nằm trong diện tích mà UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Trại, ông L và ông H bị ép buộc ký hợp đồng liên kết đối với diện tích 4,5 ha, nhưng không đưa ra một tài liệu chứng cứ gì để chứng minh diện tích nêu trên nằm ngoài phạm vi giao đất theo Quyết định số 403/QĐ-UB ngày 15/8/1977 và Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/04/2001, cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Đối với diện đất giao cho Trại giam Đ thì cũng đã được các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác định và kết luận vị trí diện tích 4,5 ha đất thuộc các thửa số 27, 30,31,32 và 33 tờ Trích lục bản đồ số 02 xã E1. Do vậy, có căn cứ xác định diện tích đất đó thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Trại tạm giam Đ là có cơ sở.

[2]. Xem xét Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/04/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử

phúc thẩm thấy rằng: Các quyết định trên được cấp dựa trên cơ sở Quyết định số 403/QĐ-UB ngày 15/8/1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo bản đồ kèm theo là có Trại cải tạo tọa lạc trên thửa đất này.

Sau khi được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đất của Trại tạm giam Đ là đất an ninh, quốc phòng do Bộ Công an quản lý. Thực hiện quy định của Luật đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998, Trại tạm giam Đ đã lập hồ sơ xin giao đất trên cơ sở diện tích đất đã được giao quản lý sử dụng trước đó. UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/04/2001 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 là thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 45/2018/HCST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

đã nhận định bác yêu cầu khởi kiện của ông L và ông H là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với việc ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H trình bày trên đất hiện đang có nhiều tài sản, cây cối, Trại giam Đ không thanh lý Hợp đồng, ra thông báo thu hồi đất là không đúng. Xét thấy các nội dung nêu trên không nằm trong phạm vi xem xét của vụ án hành chính này, nếu các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết theo một vụ án khác.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận cần bác kháng cáo của ông L, ông H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Do bác yêu cầu khởi kiện và bác kháng cáo nên ông L và ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 241; Điều 242 Luật tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 45/2018/HCST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 36; Điều 65 Luật Đất đai năm 1993; Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H về việc yêu cầu: Hủy một phần quyết định số 1050/QĐ-UB ngày 12/4/2001 của

UBND tỉnh Đắk Lắk và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R278747 cấp cho Trại giam Đ, có liên quan đến diện tích 4,5ha đất đã trồng cà phê của gia đình ông L, ông H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Giữ nguyên Phần Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm của Bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn L và ông Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, phần mỗi người là 150.000đồng, ông L, ông H đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011455 ngày 28/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
-VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đăk Lăk;;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi